

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực  
viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Chánh Văn phòng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có hiệu lực.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. um

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Truyền thông KH&CN (để đưa tin trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ);
- Văn phòng Bộ (KSTT);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



um  
**Phạm Đức Long**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH LĨNH  
VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BKHHCN ngày 02 tháng 02 năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH**

**1. Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL liên quan	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp trung ương</b>			
1	Thủ tục đăng ký hỗ trợ của doanh nghiệp viễn thông để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ	Thông tư số 01/2026/TT-BKHHCN	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Kế hoạch - Tài chính)
2	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua doanh nghiệp viễn thông theo phương thức giao nhiệm vụ	Thông tư số 01/2026/TT-BKHHCN	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

### I. Thủ tục hành chính nội bộ cấp trung ương

#### 1. Thủ tục đăng ký hỗ trợ của doanh nghiệp viễn thông để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ

Trình tự thực hiện	<p>1. Đăng ký thực hiện nhiệm vụ: Doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>2. Công bố đăng ký thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức công bố doanh nghiệp đã đăng ký thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Trường hợp quá thời hạn nêu trên chưa tổ chức được việc công bố doanh nghiệp đăng ký thực hiện nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết lý do và thay đổi thời gian công bố. Trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, việc công bố đăng ký thực hiện nhiệm vụ được mở công khai, có đại diện của các doanh nghiệp đã đăng ký và phải lập thành biên bản.</p> <p>3. Lựa chọn doanh nghiệp để giao nhiệm vụ:</p> <p>Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố, Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn, quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông và có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết và triển khai thực hiện theo quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp trực tuyến trên hệ thống văn bản điều hành (<a href="https://mst.gov.vn">https://mst.gov.vn</a>).</li><li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính.</li><li>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.</li></ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 13 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải	20 ngày làm việc.

quyết	(Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố doanh nghiệp đã đăng ký thực hiện nhiệm vụ theo quy định; trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố doanh nghiệp đã đăng ký thực hiện nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn, quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Kế hoạch-Tài chính)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định giao nhiệm vụ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Mẫu số 13 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>Việc giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, ngoài việc đảm bảo các nguyên tắc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thực hiện phát triển mới, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập ở các khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành các định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại các khu vực này. Trường hợp đã có định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại các khu vực này thì được thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định này;</p> <p>b) Thực hiện nhiệm vụ phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông bắt buộc theo</p>

	<p>yêu cầu của Nhà nước, bảo đảm thông tin liên lạc trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Thực hiện các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích kết hợp bảo vệ khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viễn thông năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.</li> <li>- Thông tư số 01/2026/TT-BKHHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.</li> </ul>

**Mẫu số 13, Phụ lục I***(Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ KHCN)***TÊN DOANH NGHIỆP**

Số: .....

V/v đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: ....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BKHCN ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ;

Căn cứ văn bản số .../... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thông báo kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ.

(Tên đơn vị) đăng ký thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Quyết định số .../QĐ-BKHCN và dự kiến mức kinh phí đề nghị được hỗ trợ như sau:

**I. Nội dung đăng ký thực hiện nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ 1:.....

2. Tên nhiệm vụ 2:.....

.....

**II. Mức kinh phí đề nghị được hỗ trợ trong thời gian cung cấp dịch vụ:**

1. Tên nhiệm vụ 1: .....

2. Tên nhiệm vụ 2:.....

.....

(Biểu 01 kèm theo)

**III. Các nội dung khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.**

(Tên đơn vị) cam kết đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích.

Đề nghị Quý cơ quan ....

Nơi nhận:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Biểu 01**

**DANH SÁCH KHU VỰC VÀ KINH PHÍ ĐĂNG KÝ  
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

Tên dịch vụ: .....

Thời gian thực hiện: .....

(Kèm theo văn bản số .../... ngày ... của [Tên doanh nghiệp])

**I. Nhiệm vụ phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông**

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lôm sóng	Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
						Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê (nếu có)	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh		Kinh phí dự kiến được hỗ trợ
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	$11=6+7+8+9-10$	12
1												
2												
...												
	Tổng:											

Số tiền: ..... (Bằng chữ:.....).

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Cột (1), cột (2): Ghi tên tỉnh, xã được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Cột (3): Ghi tên địa bàn, khu vực (thuộc khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển; riêng khu vực biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ);
- Cột (4): Địa điểm xác định khu vực lờm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lờm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cột (5): Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (7 năm – 84 tháng kể từ tháng tiếp theo tháng đưa cơ sở hạ tầng viễn thông vào cung cấp dịch vụ).
- Cột (6): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến.
- Cột (7): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến.
- Cột (8): Chi phí thuê dự kiến (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này (không trùng với nội dung chi phí tại cột (6), cột (7)).
- Cột (9): Chi phí khác dự kiến theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.
- Cột (10): Doanh thu phát sinh đề xuất theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.

## II. Nhiệm vụ nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lôm sóng	Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí (Triệu đồng)						Ghi chú
						Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê (nếu có)	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh	Kinh phí dự kiến được hỗ trợ	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6+7+8+9-10	12
1												
2												
...												
	Tổng:											

Số tiền: ..... (Bằng chữ:.....).

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (1), cột (2): Ghi tên tỉnh, xã được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Cột (3): Ghi tên địa bàn, khu vực (thuộc khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển; riêng khu vực biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ);
- Cột (4): Địa điểm xác định khu vực lờn sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lờn sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cột (5): Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (7 năm – 84 tháng kể từ tháng tiếp theo tháng đưa cơ sở hạ tầng viễn thông vào cung cấp dịch vụ).
- Cột (6): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến được sử dụng để nâng cấp.
- Cột (7): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông dự kiến.
- Cột (8): Chi phí thuê dự kiến (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này (không trùng với nội dung chi phí tại cột (6), cột (7)).
- Cột (9): Chi phí khác dự kiến theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.
- Cột (10): Doanh thu phát sinh đề xuất theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.

### III. Nhiệm vụ duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	Tên tỉnh	Tên xã	Tên địa bàn, khu vực	Địa điểm xác định khu vực lờn sóng	Chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập năm trước liền kề (triệu đồng)						Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ (số tháng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)					
					Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê (nếu có)	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh năm trước liền kề (triệu đồng)	Tổng cộng		Chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông	Chi phí thuê (nếu có)	Chi phí khác	Doanh thu phát sinh	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5+6+7+8-9	11	12	13	14	15	16	17=12+13+14+15-16
1																	
2																	

...																	
	Tổng																

Số tiền: ..... (Bằng chữ:.....)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Cột (1), cột (2): Ghi tên tỉnh, xã được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Cột (3): Ghi tên địa bàn, khu vực (thuộc khu vực hải đảo, nhà giàn trên biển; riêng khu vực biên giới trên đất liền, chủ quyền vùng biển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ);
- Cột (4): Địa điểm xác định khu vực lồm sóng theo văn bản hướng dẫn tiêu chí xác định khu vực lồm sóng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cột (5): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông thực tế theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề.
- Cột (6): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông thực tế theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề.
- Cột (7): Chi phí thuê thực tế (nếu có) theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này (không trùng với nội dung chi phí tại cột (5), cột (6)).
- Cột (8): Chi phí khác thực tế theo báo cáo quyết toán của doanh nghiệp trong năm trước liền kề theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.
- Cột (9): Ghi doanh thu phát sinh của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.
- Cột (11): Thời gian hỗ trợ cung cấp dịch vụ là số tháng đề nghị hỗ trợ tính từ thời điểm dự kiến bắt đầu tính hỗ trợ đến khi kết thúc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hiện tại.

- Cột (12): Chi phí khấu hao tài sản cố định cơ sở hạ tầng viễn thông theo thực tế của doanh nghiệp.
- Cột (13): Chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông theo dự kiến của doanh nghiệp.
- Cột (14): Chi phí thuê (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này theo dự kiến của doanh nghiệp (không trùng với nội dung chi phí tại cột (12), cột (13)).
- Cột (15): Chi phí khác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP theo dự kiến của doanh nghiệp.
- Cột (16): Doanh thu phát sinh dự kiến được xác định theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.

## 2. Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua doanh nghiệp viễn thông theo phương thức giao nhiệm vụ

Trình tự thực hiện	<p>1. Căn cứ văn bản thông báo dự kiến giao nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>2. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký của doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết việc tiếp nhận đăng ký của doanh nghiệp.</p> <p>3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lựa chọn doanh nghiệp và quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tuyến trên hệ thống văn bản điều hành (<a href="https://mst.gov.vn">https://mst.gov.vn</a>).</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của doanh nghiệp theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo việc tiếp nhận đăng ký của doanh nghiệp (<i>chưa bao gồm thời gian tổ chức lựa chọn doanh nghiệp và thời gian quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp</i>).</p>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	<p>Doanh nghiệp viễn thông</p>
Cơ quan thực hiện	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Kế hoạch-Tài chính)</p>

thủ tục hành chính	
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định giao nhiệm vụ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của doanh nghiệp theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BKHCHN ngày 15/01/2026
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>Việc giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, ngoài việc đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, được thực hiện khi đảm bảo các điều kiện:</p> <p>a) Phương thức giao nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích đã được quy định tại chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;</p> <p>b) Điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP;</p> <p>c) Các điều kiện khác theo quy định của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.</p>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viễn thông năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.</li> <li>- Thông tư số 01/2026/TT-BKHCHN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.</li> </ul>

**Mẫu số 12, Phụ lục VI**  
(*Thông tư số 01 /2026/TT-BKHCHN ngày 15/01/2026 của Bộ KHCHN*)

**(Doanh nghiệp viễn thông)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày... tháng.... năm .....

V/v: Đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm....;

Căn cứ .....

1. (Doanh nghiệp) đăng ký thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Thuyết minh, tài liệu hồ sơ kèm theo (nếu có).

Kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

***Nơi nhận:***

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(*Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu*)

**BIỂU 01:**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

Thời gian thực hiện:.....

(Kèm theo Văn bản số...ngày...tháng....năm.....của.....)

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Ước thực hiện kỳ trước			Dự toán thực hiện kỳ này			Ghi chú
			Sản lượng, khối lượng	Mức hỗ trợ (đồng)	Kinh phí (đồng)	Sản lượng, khối lượng	Mức hỗ trợ (đồng)	Kinh phí (đồng)	
A	B	C	1	2	3=1x2	4	5	6=4x5	7
1									
2									
3									
....									
	<b>Cộng</b>								

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày.....tháng ..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BIỂU 02:**

**KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

**Dịch vụ: .....**

Thời gian thực hiện:.....

(Kèm theo Văn bản số.....)

**I. Dự toán kinh phí**

STT	Tỉnh, thành phố (nếu có)	Ước thực hiện kỳ trước			Dự toán thực hiện kỳ này			Ghi chú
		Sản lượng, khối lượng	Mức hỗ trợ (đồng)	Kinh phí (đồng)	Sản lượng, khối lượng	Mức hỗ trợ (đồng)	Kinh phí (đồng)	
A	B	1	2	3=1x2	4	5	6=4x5	7
1								
2								
3								
....								

....., ngày.....tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**II. Thuyết minh dự toán:**